HƯỚNG DẪN ĐỌC KÝ HIỆU THÂN DAO TIỆN

THÂN DAO TIỆN NGOÀI

Cty cổ phần cơ khí Nhân Chính
office@cokhinhanchinh.com.vn

Thân dao tiện ngoài có ký hiệu:

P C L N R 25 25 M 12

P	C	L	N	R	25	25	M	12

Kiểu Kẹp

M	Vít + Kẹp
P	Kẹp chêm
E	Khóa CAM
W	Vít
C	Kẹp trên
D	Kẹp đôi

Hình dáng mảnh HK

C	H.Thoi, ε=80°
D	H.Thoi, ε=55°
K	H. Bình hành ε=55°
R	H. Tròn
S	H. Vuông
T	H. Tam giác
V	H.Thoi, ε=35°
W	H. Tam giác đặc biệt

Góc nghiêng chính

A	φ=90°
B	φ=75°
C	φ=90°
D	φ=45°
E	φ=60°
F	φ=90°
G	φ=91°
J	φ=93°
J2	φ=93°
K	φ=75°
L	φ=φ1=95°
L2	φ=φ1=95°
N	φ=63°
N3	φ=63°
P	φ=62.5°
Q	φ=45°
S	φ=45°
V	φ=72.5°
U	φ=93°
X	φ=100°
Y	φ=80°
Z	φ=93°

Góc sau

C	α=7°
B	α=5°
N	α=0°
P	α=11°

Hướng cắt

R	Hướng phải sang trái
L	Hướng trái sang phải
N	Cắt 2 bên

fv

KT chiều rộng / KT chiều cao

Kích thước (mm)	
8	8
10	10
12	12
16	16
20	20
25	25
32	32

KT chiều dài (mm)

D	60
E	70
F	80
H	100
K	125
M	150
P	170
Q	180
R	200

Chiều dài cạnh cắt

Số liệu	Kích thước	Hình dáng mảnh HK
3	9.525 mm	H. Vuông
4	12.7mm	H. Tam giác
5	15.875mm	H. Bình hành
6	19.05mm	Hình tròn
8	25.4mm	Hình tròn

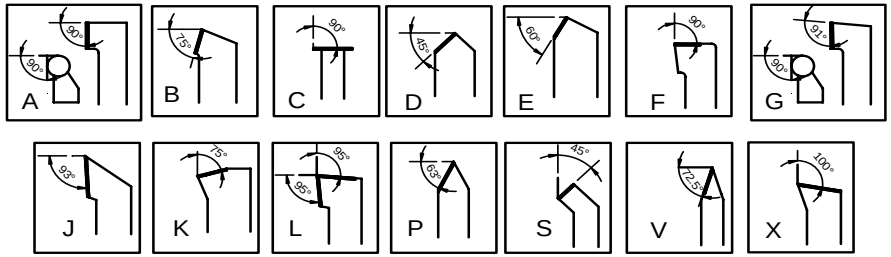

Góc nghiêng chính

Thân dao tiện ngoài có ký hiệu: P C L N R 25 25 M 12

Sử dụng thân dao kẹp chêm, kẹp mảnh hợp kim dạng hình thoi có góc cắt ε=80°, góc nghiêng chính= góc nghiêng phụ(φ=φ1=95°, góc sau α=0°, hướng cắt từ phải sang trái, kích thước Dài X Rộng X cao = 150(mm) x 25(mm) x 25(mm), chiều dài cạnh cắt là 12mm

Cty cổ phần cơ khí Nhân Chính
office@cokhinhanchinh.com.vn

THÂN DAO TIỆN LỖ

Thân dao tiện lỗ có ký hiệu:

S 25 R - M C L N R 12

S	25	R	M	C	L	N	R	12

		Đường kính thân dao	KT-Chiều dài		Kiểu kẹp		Hình dáng mảnh HK		Góc nghiêng chính		Góc sau		Hướng cắt		Chiều dài cạnh cắt		
C			H	100	S	Vít	C	H.Thoi, ε=80°	A	φ=90°	C	α=7°	R	Hướng phải sang trái	Số liệu	Kích thước	Hình dáng mảnh HK
H			K	125	M	Vít + Kẹp	D	H.Thoi, ε=55°	B	φ=75°	B	α=5°	L	Hướng trái sang phải	3	9.525 mm	H. Vuông
S			M	150	C	Kẹp trên	K	H. Bình hành ε=55°	C	φ=90°	N	α=0°			4	12.7mm	H. Tam giác
			N	160			R	H. Tròn	D	φ=45°	P	α=11°			5	15.875mm	H. Bình hành
			Q	180			S	H. Vuông	E	φ=60°					6	19.05mm	Hình tròn
			R	200			T	H. Tam giác	F	φ=90°					8	25.4mm	Hình tròn
			S	250			V	H.Thoi, ε=35°	G	φ=91°							
			T	300			W	H. Tam giác đặc biệt	J	φ=93°							
			U	350					J2	φ=93°							
			V	400					K	φ=75°							
			W	450					L	φ=φ1=95°							
			Y	500					L2	φ=φ1=95°							
									N	φ=63°							
									N3	φ=63°							
									P	φ=62.5°							
									Q	φ=45°							
									S	φ=45°							
									V	φ=72.5°							
									U	φ=93°							
									X	φ=100°							
									Y	φ=80°							
									Z	φ=93°							

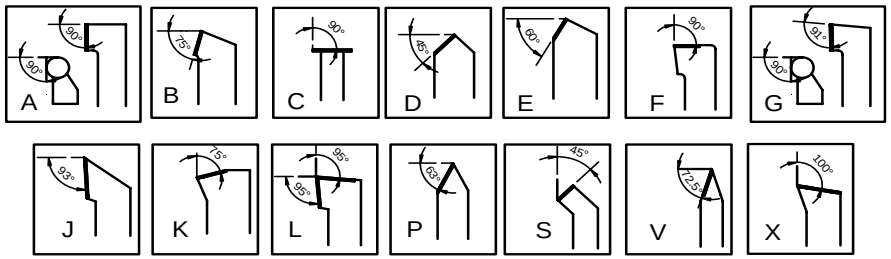

Góc nghiêng chính

Cty cổ phần cơ khí Nhân Chính
office@cokhinhanchinh.com.vn

THÂN DAO TIỆN REN

Thân dao tiện ren có ký hiệu:

S E R 2020 K 16 O

S	E	R	2020	K	16	O
Kiểu kẹp	Kiểu tiện ren	Hướng tiện	Kích thước thân dao tiện	Chiều dài thân dao tiện		

S	Vít	E	Tiện ren ngoài	R	Tiện từ phải sang trái	Kích thước chiều dài x Kích thước chiều cao. Trường hợp thân dao hình tròn sẽ có ký hiệu 00XX trong đó XX là giá trị của đường kính thân dao (mm)	D 60mm F 80mm H 100mm K 125mm L 140mm M 150mm P 170mm R 200mm S 250mm T 300mm U 350mm V 400mm
D	Vít + Kẹp	I	Tiện ren lỗ	L	Tiện từ trái sang phải		

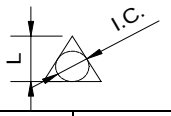

L	I.C.
6	5/32"
8	3/16"
8U	3/16" U
11	1/4"
16	3/8"
22	1/2"
22U	1/2" U
27	5/8"
27	5/8" U
33	3/4"
33U	3/4" U

THÂN DAO TIỆN CẮT ĐỨT

Thân dao tiện cắt đứt có ký hiệu:

M G E H R 2020- 4

M	G	E	H	R	2020	4
Kiểu kẹp	Loại mảnh hợp kim	Kiểu tiện ren	Hình dáng thân dao	Hướng cắt	Kích thước thân dao tiện	Kích thước chiều rộng mảnh dao

D	Vít + Kẹp	G		E	Tiện ngoài	H	Hình vuông	R Hướng phải sang trái L Hướng trái sang phải N Cắt 2 bên	Kích thước chiều dài x Kích thước chiều cao.	4	b=4
M	Vít + Kẹp			I	Tiện trong	V	Hình vuông vát cạnh				
F	Vít + Kẹp	B									